TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:388 /2018/QĐST-HNGĐ	*Cẩm Lệ, ngày 27 tháng 11 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ các điều 212, 213 và 397 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 55, 81, 82, 83 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 335/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2018 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Bà Phan Thị Cẩm T, sinh năm: 1975

Và ông Trần Thái Th, sinh năm: 1972

Cùng địa chỉ: Tổ 36, phường Đ, quận L, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Phan Thị Cẩm T và ông Trần Thái Th kết hôn với nhau vào năm 2003, đăng ký kết hôn tại UBND phường Vị Trung, huyện Vị Thủy, tỉnh Cần Thơ. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại tổ 36 phường Hòa Thọ Đông, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra lời qua tiếng lại, vợ chồng sống không có hạnh phúc nên bà T và ông Th yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông bà được thuận tình ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà T và ông Th đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, bà T và ông Th sống không có hạnh phúc nên cả hai tự nguyện thuận tình ly hôn. Do vậy, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà T và ông Th là phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] *Về con chung*: Bà T và ông Th xác nhận có 02 con chung tên Trần Thái Tr, sinh ngày 01/09/1997 và Trần Thị Thu Ng, sinh ngày 13/4/2006. Ly hôn, bà T

và ông Th thỏa thuận với nhau về việc nuôi dưỡng con chung như sau: Bà T nhận trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Trần Thị Thu Ng, ông Th tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung bắt đầu từ tháng 12/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Còn con chung Trần Thái Tr đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy, sự thỏa thuận của bà T và ông Th là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên công nhận.

[3] *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà T và ông Th xác nhận không có.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Phan Thị Cẩm T và ông Trần Thái Th.

- *Về con chung*: Bà Phan Thị Cẩm T nhận trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Trần Thị Thu Ng. Ông Trần Thái Th tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung bắt đầu từ tháng 12/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết, vì lợi ích con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng bà Phan Thị Cẩm T và ông Trần Thái Th phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí bà T và ông Th đã nộp tại biên lai thu số 0005493 ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Như vậy, bà T và ông Th đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận : **THẨM PHÁN**

- Đương sự;
- Viện KSND quận Cẩm Lệ;
- UBND p. Vị Trung, h.Vị Thủy;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

Nguyễn Thị Lệ Hằng